

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2020/HS-PT**
Ngày: 07-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Hoài
Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2020/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Vòng Thị Lệ Đ và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐD.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Vòng Thị Lệ Đ**, Sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: thôn NghH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Buôn Bán; Họ và tên cha: Vòng Hồ Ph (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1956, hiện ở thôn NghH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; Em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1987. Bị cáo là con đầu trong gia đình; Chồng: Chềnh Sọc D, sinh năm 1974, hiện ở thôn NghH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại tại thôn NghH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Thị Th**, sinh năm 1982 tại BR-VT; hộ khẩu thường trú: Ấp 2 Đông, BL, XM, BR-VT; tạm trú: Số 45, Đường 2/4, tổ dân phố NghL 1, thị trấn ThM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Buôn Bán; con ông: Lê Tấn Nh,

sinh năm 1945; con bà: Trương Thị Ch, sinh năm 1948. Hiện cả hai làm nông tại Ấp 2 Đông, BL, XM, BR-VT; anh, chị em ruột: Có 08 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1988. Bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; chồng: Vũ Anh T1, sinh năm 1979, hiện buôn bán tại Số 45, Đường 2/4, tổ dân phố NghL 1, thị trấn ThM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 01/2014/HSST ngày 16/01/2014, Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy”. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại Số 45, Đường 2/4, tổ dân phố NghL 1, thị trấn ThM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị: **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1980 tại Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn K 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; học vấn: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Nguyễn Ch (đã chết); con bà: Dương Thị H (đã chết); anh, chị, em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1982. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; chồng: Không có; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại tại thôn K 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 09/6/2019, Công an huyện ĐD tiến hành kiểm tra tại căn nhà Số 14 thôn SM, xã KĐ, huyện ĐD thì phát hiện một số đối tượng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xì lát thắng thua nhau bằng tiền, các đối tượng đã nghỉ đánh bạc trước khi công an kiểm tra nên không thu được tiền tang vật trên chiếu bạc. Các đối tượng Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Kim M1, Hoàng Thị L, Hà Thị Tr và Nguyễn Thị Hạnh Ng khai nhận có tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xì lát mỗi ván từ 10.000đ đến 20.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của các đối tượng là 1.700.000đ.

Qua kiểm tra điện thoại của Nguyễn Thị Tuyết M, Cơ quan điều tra phát hiện trong điện thoại của M có các tin nhắn ghi số đề rồi chuyển đến điện thoại của Vòng Thị Lệ Đ ở thôn NghH 1, xã KĐ, huyện ĐD và Lê Thị Th ở tổ dân phố NghL 1, thị trấn ThM, huyện ĐD. Cụ thể:

Vào các ngày 20, 21, 22 và 23 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Thị Tuyết M sử dụng điện thoại di động số sim 0975.424.239 ghi các con số đề rồi gửi tin nhắn

qua điện thoại di động số sim 0917.437.168 của Lê Thị Th, số tiền mà M đánh bạc với Th thể hiện như sau:

Ngày 20/5/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số gửi cho Lê Thị Th để đánh đề các đài (Huế, Phú Yên, Hà Nội) với tổng số tiền mua số lô, đề là 4.370.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 11.200.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 20/5/2019 của M với Th là 15.570.000đ.

Ngày 21/5/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số gửi cho Lê Thị Th để đánh đề các đài (Bến Tre, Vũng Tàu, Bạc Liêu, Đắk Lắk, Quảng Nam, Quảng Ninh) với tổng số tiền mua số lô, đề là 9.710.000đ, số tiền bà M trúng số lô, đề là 5.600.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 21/5/2019 của M với Th là 15.310.000đ.

Ngày 22/5/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số gửi cho Lê Thị Th để đánh đề các đài (Sóc Trăng, Đồng Nai, Cần Thơ, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bắc Ninh) với tổng số tiền mua số lô, đề là 9.050.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 2.800.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 22/5/2019 của M với Th là 11.850.000đ.

Ngày 23/5/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các con số gửi cho Lê Thị Th để đánh đề các đài (Bình Định, Quảng Trị, Quảng Bình, Tây Ninh, Bình Thuận, Hà Nội) với tổng số tiền mua số lô, đề là 6.800.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 800.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 23/5/2019 của M với Th là 7.600.000đ.

Như vậy tổng số tiền mà M với Th sử dụng vào việc đánh bạc vào các ngày 20, 21, 22, 23 tháng 5 năm 2019 là 50.330.000đ.

Ngoài ra vào các ngày 04, 05, 06, 07, 08 và 09 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Thị Tuyết M sử dụng điện thoại di động số sim 0975.424.239 ghi các con số đề rồi gửi tin nhắn qua điện thoại di động số sim 0989.320.576 của bà Vòng Thị Lệ Đ cụ thể như sau:

Ngày 04/6/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các con số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề các đài (Quảng Ninh, Vũng Tàu) với tổng số tiền mua số lô, đề là 9.470.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 23.500.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 04/6/2019 của M với Đ là 32.970.000đ.

Ngày 05/6/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề đài (Bắc Ninh) với tổng số tiền mua số lô, đề là 5.640.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 4.000.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 05/6/2019 của M với Đ là 9.640.000đ.

Ngày 06/6/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết M mua các số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề các đài (Hà Nội, Tây Ninh) với tổng số tiền mua số lô, đề là 9.130.000đ, số tiền bà M trúng số lô, đề là 10.800.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 06/6/2019 của M với Đ là 19.930.000đ.

Ngày 07/6/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề các đài (Bình Dương, Trà Vinh, Vĩnh Long) với tổng số tiền mua số lô, đề là 3.210.000đ, kết quả M không trúng số lô, đề. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 07/6/2019 của M với Đ là 3.210.000đ.

Ngày 08/6/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề các đài (Bình Phước, Tp Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Long An, Nam Định) với tổng số tiền mua số lô, đề là 18.180.000đ, số tiền M trúng số lô, đề là 3.500.000đ. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 08/6/2019 của M với Đ là 21.680.000đ.

Ngày 09/6/2019 Nguyễn Thị Tuyết M mua các số rồi gửi cho Vòng Thị Lệ Đ để đánh đề đài (Nam Định) với tổng số tiền mua số lô, đề là 3.100.000đ, kết quả M không trúng số lô, đề. Như vậy tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngày 09/6/2019 của M với Đ là 3.100.000đ.

Như vậy tổng số tiền mà M với Đ sử dụng vào việc đánh bạc vào các ngày 04, 05, 06, 07, 08, 09 tháng 6 năm 2019 là 90.530.000đ.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Tuyết M sử dụng vào việc đánh bạc với Lê Thị Th và Vòng Thị Lệ Đ là 140.860.000đ.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguyễn Thị Tuyết M mua các con số, lô đề rồi chuyển bằng tin nhắn điện thoại cho Lê Thị Th, Vòng Thị Lệ Đ. Kết quả thắng thua được xác định dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh trong ngày hôm đó và tính tiền thắng thua vào ngày hôm sau.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Đối với 02 chiếc nhựa màu đỏ, 02 bộ bài Túlơkơ mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc bằng hình thức đánh xì lát thắng thua nhau bằng tiền. Cơ quan CSĐT công an huyện ĐD đã ra Quyết định tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính vào ngày 08/10/2019 nên không đề cập đến.

- Đối với số tiền thu giữ của bà Nguyễn Thị Kim M1 100.000đ, của bà Hà Thị Tr 600.000đ, của bà Nguyễn Thị Tuyết M 1.000.000đ. Quá trình điều tra xác định số tiền trên (1.700.000đ) các đối tượng sử dụng để đánh bạc bằng hình

thức đánh xì lát. Cơ quan CSĐT công an huyện DD đã ra Quyết định tịch thu số tiền trên để sung ngân sách Nhà Nước tại biên lai nộp tiền ngày 11/10/2019 nên không đề cập đến.

- Đối với số tiền 500.000đ, 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu xanh có gắn số sim 0918.501.635 thu giữ của Nguyễn Quốc Th1; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu xanh có gắn số sim 0333.867.798 thu giữ của Phan Thiên V. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên không liên quan đến hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Quốc Th1, Phan Thiên V. Sau khi nhận lại tài sản Nguyễn Quốc Th1, Phan Thiên V không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đề cập đến.

Cáo trạng số 03/KSĐT ngày 26/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện DD truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Lê Thị Th, Vòng Thị Lệ Đ về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 07/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện DD đã xử;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M, Lê Thị Th, Vòng Thị Lệ Đ phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Th 15.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vòng Thị Lệ Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Vòng Thị Lệ Đ 15.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M cho Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện DD, tỉnh Lâm Đồng, để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 20.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 25/02/2020 bị cáo Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin cải tạo không giam giữ.

* Ngày 28/02/2020 bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Th không thắc mắc đối với bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo, xin hưởng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đ không thắc mắc đối với bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo, xin hưởng cải tạo không giam giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th và bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lê Thị Th và Vòng Thị Lệ Đ có hành vi sử dụng điện thoại di động số sim 0917.437.168 (Th) và số sim 0989.320.576 (Đ) để ghi, nhận các con số lô, đề của Nguyễn Thị Tuyết M gửi qua tin nhắn. Kết quả thắng thua được xác định dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh trong ngày hôm đó và tính tiền thắng thua vào ngày hôm sau. Tổng số tiền mà Nguyễn Thị Tuyết M sử dụng vào việc đánh bạc với Lê Thị Th và Vòng Thị Lệ Đ là 140.860.000đ. Tòa án nhân dân huyện ĐĐ xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm phân loại tội phạm quá nghiêm khắc.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Đ, bị cáo Th: Đơn kháng cáo của các bị cáo là đúng theo quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hóa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Quá trình điều tra xác định được M đánh bạc với Th 04 lần và đánh bạc với Đ 06 lần. Tổng số tiền M đánh bạc với Th là 50.330.000đ và với Đ là

90.530.000đ. Do đó, cần có mức hình phạt đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

Xét thấy, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th và bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm, căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự, chuyển hình phạt từ tù giam sang cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Do bị cáo Th và bị cáo Đ có thu nhập không ổn định, kinh tế gia đình còn khó khăn nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[3] Về án phí: các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vòng Thị Lệ Đ và bị cáo Lê Thị Th, sửa bản án sơ thẩm.

1. Xử phạt bị cáo Vòng Thị Lệ Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vòng Thị Lệ Đ cho Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Lâm Đồng để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Vòng Thị Lệ Đ.

Phạt bổ sung bị cáo Vòng Thị Lệ Đ 15.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Th 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn ThM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị Th.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Th 15.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo Vòng Thị Lệ Đ và bị cáo Lê Thị Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND H. ĐD (02);
- VKSND H. ĐD(01);
- Cơ quan CSĐT CA H. ĐD(01);
- Cơ quan THAHS CA H. ĐD(01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bình